

Số: *1519* /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày *13* tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chí đánh giá và Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Căn cứ Công văn số 2613/BNN-KHCN ngày 04/04/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 178/TTr-SNN ngày 06 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí đánh giá và Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

(Tiêu chí đánh giá kèm theo)

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Tiêu chí đánh giá và Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông



2

ng nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Quyết định này.

2. Giao UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn các Tiêu chí đánh giá và trình tự, thủ tục công nhận vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho người dân, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, ... trên địa bàn biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thành viên Ban Chỉ đạo Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mv*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTN (Ha).



Trương Thanh Tùng



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1519**/QĐ-UBND
ngày **13** tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa ^(*)	Ghi chú
I	Tiêu chí 1: Liên kết chuỗi giá trị	10	
1	Có ít nhất 50% số hộ dân tham gia liên kết sản xuất, cung ứng vật tư, thu mua sản phẩm với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong vùng trồng	5	
2	Tối thiểu 50% sản lượng của sản phẩm chính trong vùng trồng được Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiêu thụ	5	
II	Tiêu chí 2: Sản phẩm sản xuất trong vùng là sản phẩm hàng hóa có lợi thế của vùng	15	
1	Sản lượng của sản phẩm chính phải đạt trên 70% tổng sản lượng các loại cây trồng có trong vùng trồng	2	
2	100% diện tích vùng trồng phải được tổ chức sản xuất có chứng nhận theo một hoặc các tiêu chuẩn sau: VietGAP, GlobalGAP, 4C, RainForest, UTZ Certified, Fair trade, hữu cơ...	10	Tính theo tỷ lệ %, cứ 10% tương ứng 1 điểm
3	Năng suất hoặc giá trị sản phẩm trong vùng trồng cao hơn tối thiểu từ 10% - 30% so với năng suất hoặc giá trị bình quân chung của tỉnh	3	
III	Tiêu chí 3: Công nghệ ứng dụng (phải đạt tối thiểu 15 điểm trở lên)	45	
1	Đối với vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái: 100% diện tích vùng trồng sử dụng giống đảm bảo nguồn gốc xuất xứ. Đối với vùng sản xuất như: lúa giống, nhân giống nầm các loại thì phải có ứng dụng công nghệ sinh học, lai tạo trong sản xuất giống	5	
2	Ít nhất 70% số hộ dân trong vùng có sử dụng máy móc cơ giới trong các khâu sản xuất (làm đất, chăm sóc, tưới nước, thu hoạch, vận chuyển sản phẩm...) hoặc có sử dụng trang thiết bị hiện đại, quy trình công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm	5	
3	Toàn bộ các phế phẩm nông nghiệp (vỏ cà phê, rơm lúa, vỏ trấu, thân các loại đậu, ngô...) trong vùng được tái sử dụng	5	



Handwritten signature

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa ^(*)	Ghi chú
4	Có ít nhất 30% số hộ dân trong vùng có sử dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất	5	
5	Đối với vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái: 100% diện tích vùng trồng áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng; Đối với vùng chăn nuôi: 100% vùng chăn nuôi áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trên vật nuôi	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 20% tương ứng 1 điểm
6	Tỷ lệ (%) số hộ dân trong vùng có ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất hoặc trong quản lý (<i>ứng dụng các phần mềm dự báo thời tiết, thông tin thị trường, theo dõi tình hình sinh trưởng cây trồng, giám sát dịch bệnh, quản lý dinh dưỡng, tưới tự động...</i>)	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 20% tương ứng 1 điểm
7	Đối với vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái: có ít nhất 70% diện tích có hệ thống tưới tiết kiệm hoặc sử dụng nước hợp lý; Đối với vùng chăn nuôi: 100% sử dụng hệ thống nước tự động, hoặc bán tự động	5	
8	100% sản phẩm vùng trồng phải có tem truy xuất nguồn gốc hoặc đã được cấp: mã vùng trồng, chỉ dẫn địa lý hoặc đã có đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 20% tương ứng 1 điểm
9	Tỷ lệ (%) sản phẩm vùng trồng được thu hoạch đảm bảo tiêu chuẩn (<i>ví dụ như: Đối với cà phê, tỷ lệ quả chín phải trên 95%; Đối với hồ tiêu, tỷ lệ quả chín trên 90%</i>); Khâu bảo quản sản phẩm sau thu hoạch và sơ chế đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 20% tương ứng 1 điểm
IV	Tiêu chí 4: Hạ tầng	20	
1	100% hệ thống đường trục chính vào khu sản xuất, đường nội đồng đã được cứng hóa (<i>như: đường nhựa, bê tông, cấp phối...</i>)	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 10% tương ứng 0.5 điểm
2	Hệ thống thủy lợi, nguồn nước trong vùng đáp ứng được 100% nhu cầu sản xuất	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 10% tương ứng 0.5 điểm
3	Điện: Đáp ứng được 100% nhu cầu sản xuất	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 10% tương ứng 0.5 điểm
4	Hạ tầng khác: Có nhà kho, sân phơi hoặc có cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến hiện đại đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm	5	
V	Tiêu chí 5: Quy mô và môi trường cảnh quan	10	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa ^(*)	Ghi chú
1	Quy mô: Cây công nghiệp dài ngày (<i>cà phê, hồ tiêu, điều ...</i>), cây ăn trái các loại: ≥ 300 ha; Rau: ≥ 100 ha; Hoa: ≥ 50 ha; Lúa giống ≥ 100 ha; Lúa thương phẩm ≥ 300 ha; Nấm ăn, nấm dược liệu ≥ 5 ha; Bò sữa ≥ 10.000 con/năm; Bò thịt ≥ 20.000 con/năm; Lợn ≥ 40.000 con/năm; Heo giống ≥ 2.000 con/năm; Gia cầm ≥ 50.000 con/lúa; Sản xuất giống thủy sản ≥ 20 ha; Thủy sản thương phẩm ≥ 200 ha.	5	
2	Môi trường cảnh quan: Tỷ lệ (%) số hộ trong vùng: - Có xử lý rác thải trong nông nghiệp (<i>như: bao bì, chai lọ của phân bón và thuốc bảo vệ thực vật</i>) được thu gom theo đúng quy định. - Hoặc có hệ thống cây che bóng, chắn gió, đai rừng phòng hộ kết hợp cảnh quan. - Hoặc có hệ thống xử lý chất thải (<i>chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải ...</i>) trong chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường	5	Tính theo tỷ lệ %, cứ 10% tương ứng 0.5 điểm
	Tổng điểm	100	

Ghi chú:

- Cách tính điểm: Số điểm thực tế được tính dựa vào mức độ phù hợp đáp ứng so với quy định tại số điểm tối đa của từng tiêu chí.

- Tổng số điểm để được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải đạt từ 70 điểm trở lên, trong đó số điểm của Mục III. Công nghệ ứng dụng phải đạt tối thiểu 15 điểm.

- Riêng đối với vùng trồng hoa, rau, nấm dược liệu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Ngoài các tiêu chí nêu trên thì phải đáp ứng được yêu cầu “tối thiểu có 30% diện tích được sản xuất trong nhà màng, nhà lưới hoặc sử dụng giá thể trong nuôi trồng”./.

2/

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1519 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Một số khái niệm

1.1. Công nghệ cao: Là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được tích lũy từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

1.2. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là một nền nông nghiệp được ứng dụng kết hợp những công nghệ mới, tiên tiến để sản xuất, còn gọi là công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững.

1.3. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất một hoặc một vài nông sản hàng hóa và hàng hóa xuất khẩu chiến lược dựa trên các kết quả chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; phòng, trừ dịch bệnh trong trồng trọt, chăn nuôi đạt hiệu quả cao; sử dụng các loại vật tư, máy móc, thiết bị hiện đại trong nông nghiệp; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

1.4. Tổ chức đại diện (tổ chức đầu mối đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao): Là Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Liên hiệp Hợp tác xã; UBND xã, phường, thị trấn,...

2. Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Bước 1: Tổ chức đại diện (tổ chức đầu mối) của vùng lập hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Trung tâm hành chính công của tỉnh). Địa chỉ: Số 01, đường Diệu Ong, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo đường Bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp.

Số lượng hồ sơ: 10 bộ (Trong đó: 01 bộ hồ sơ gốc, 09 bộ hồ sơ bản sao).

Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Mẫu 01 - Phụ lục kèm theo Quyết định này).

- Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu tại tiêu chí đánh giá ban hành kèm theo Quyết định này (theo Mẫu 02 – Phụ lục kèm theo Quyết định).

Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công: Trung tâm Hành chính công có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đại diện đến nộp hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trung tâm hành chính công kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Trung tâm Hành chính công thông báo cho tổ chức đại diện biết để bổ sung.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 1/2 ngày làm việc, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết.

Bước 3: Kiểm tra, xử lý hồ sơ

- Kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ (nội dung hồ sơ không kê khai đầy đủ theo quy định), trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho Trung tâm Hành chính công để thông báo cho tổ chức đại diện để bổ sung theo quy định. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp từ chối công nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận.

Bước 4: Tổ chức thẩm định hồ sơ công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Căn cứ Quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mời các thành viên liên quan tổ chức họp đánh giá các tiêu chí hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại hồ sơ do Tổ chức đại diện nộp.

- Tổ chức họp thẩm định khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Tổ thẩm định có mặt. Tổ thẩm định hoạt động theo nguyên tắc tập thể, bỏ phiếu và kết quả theo đa số. Tổ thẩm định đề nghị công nhận khi có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt đồng ý công nhận. Trường hợp thấy cần thiết, Tổ thẩm định đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đoàn kiểm tra thực tế vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kết quả thẩm định:

+ Trường hợp kết quả thẩm định đảm bảo các Tiêu chí theo quy định ban hành kèm theo Quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình

UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Trường hợp kết quả thẩm định chưa đảm bảo các Tiêu chí theo quy định ban hành kèm theo Quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, ban hành văn bản trả lời Tổ chức đại diện kết quả thẩm định (*trong đó, đề nghị Tổ chức đại diện tiến hành khắc phục các tiêu chí chưa đạt theo kết quả thẩm định và tiến hành nộp Hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sau khi đã khắc phục các tiêu chí chưa đạt trước đó*).

Bước 5: Ban hành Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp từ chối công nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận.

Bước 6: Nhận kết quả

Tổ chức đại diện nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông.

3. Thẩm quyền công nhận và thu hồi Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận và thu hồi Quyết định đối với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không đáp ứng các tiêu chí theo quy định đã ban hành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể các tiêu chí, đánh giá vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*theo Tiêu chí được ban hành tại Quyết định này*). Qua đó, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ra Quyết định thu hồi Quyết định công nhận đối với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không còn đáp ứng các tiêu chí theo quy định đã được UBND tỉnh ban hành.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ đăng ký công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Qua đó, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận hoặc Quyết định thu hồi Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Trực tiếp quản lý các hoạt động của vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất, tổng hợp báo cáo, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

4.2. Giao các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung có liên quan tại các hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các tổ chức, địa phương đại diện đề nghị.


4.3. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa:

- Triển khai thông báo rộng rãi đến các tổ chức và người dân về Hướng dẫn tiêu chí xây dựng và trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao biết để thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đánh giá các tiêu chí hình thành vùng nông nghiệp công nghệ cao tại địa phương, đảm bảo các tiêu chí hình thành vùng theo đúng quy định tại Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực hiện hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại địa phương (theo Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035).

- Tổ chức quản lý, theo dõi, đánh giá, khai thác tốt các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả, khó khăn, vướng mắc về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)./ 



PHỤ LỤC:
CÁC MẪU HỒ SƠ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1519 /QĐ-UBND
ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

MẪU 01: Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày ... tháng ... năm 202...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ vào các tiêu chí hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và tình hình sản xuất tại địa phương; Nay UBND xã (hoặc Hợp tác xã, Doanh nghiệp, tổ chức ...): đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức đại diện đề xuất:
- Tên viết tắt (nếu có):
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:..... Fax:
- Email:.....
- Lĩnh vực sản xuất của vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận (Vùng sản xuất Cà phê, Hồ tiêu, Xoài, lúa, Cây ăn trái; Chăn nuôi...):.....

2. Tên vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận (Vùng sản xuất Cà phê, Hồ tiêu, Xoài, lúa, Cây ăn trái; Chăn nuôi... gắn với địa danh của chủ thể đăng ký):

Số lượng tổ chức (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác) tham gia liên kết trong vùng:.....;

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản Thuyết minh vùng sản xuất đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Danh sách tổ chức (*Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác*), hộ nông dân tham gia liên kết trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*có xác nhận của chính quyền địa phương*).

- Các hồ sơ liên quan khác (*bản sao*): Hợp đồng liên kết; Chứng nhận sản xuất theo các tiêu chuẩn; Giấy tờ nguồn gốc sử dụng đất; Bản đồ vùng;...

4. Phân cam kết: Nếu được Chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét và công nhận vùng sản xuất (*tên vùng... ..*) ứng dụng công nghệ cao theo quy định./.

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

MẪU 02: Bản Thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày ... tháng ... năm 202...

THUYẾT MINH
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận**

- Tên vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (viết tắt là vùng NNƯDCNC) đề nghị công nhận:

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ của vùng NNƯDCNC:

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trong vùng NNƯDCNC:

(Ví dụ: Sản xuất Cà phê, Sản xuất Hồ tiêu, Sản xuất lúa, Chăn nuôi Lợn, ...).

- Số lượng tổ chức (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác) tham gia liên kết trong vùng NNƯDCNC:

- Số lượng hộ nông dân tham gia sản xuất trong vùng: hộ.

(Thông tin cụ thể từng Tổ chức, hộ nông dân tham gia liên kết, sản xuất trong vùng NNƯDCNC tại Danh sách kèm theo)

2. Tên tổ chức đại diện

- Tên tổ chức:

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện tổ chức: Chức vụ:

Nếu là Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác:

- Lĩnh vực hoạt động (Nêu tóm tắt lĩnh vực hoạt động của Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác):

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: ; Ngày cấp:

Cơ quan cấp:

II. THUYẾT MINH SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THEO QUY ĐỊNH
(Cần đánh giá đầy đủ nội dung các tiêu chí liên quan đến vùng NNƯDCNC và bổ sung các tài liệu kiểm chứng liên quan kèm theo)

1. Thuyết minh về phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Tổng số hộ tham gia vùng NNƯDCNC: hộ;
- Số Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết:; Hình thức liên kết:.....;
- Số hộ tham gia liên kết sản xuất, cung ứng vật tư, thu mua sản phẩm với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong vùng trồng:
- Sản lượng của sản phẩm chính trong vùng trồng được Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiêu thụ: tấn;

2. Thuyết minh về sản phẩm sản xuất trong vùng

- Sản phẩm chính trong vùng:;
- Diện tích:; Sản lượng:..... tấn;
- Chiếm:% sản lượng các loại cây trồng trong vùng;
- Diện tích được tổ chức sản xuất có chứng nhận theo các tiêu chuẩn:

STT	Tiêu chuẩn	Diện tích (ha)	Số hộ được chứng nhận	Ghi chú
1	VietGAP			
2	GlobalGAP			
3	4C			
4	RainForest			
5	UTZ Certified			
6	Fair trade			
7	Hữu cơ			
8	Khác...			

Tổng cộng

- Năng suất bình quân sản phẩm chính trong vùng:..... tấn/ha;
hoặc giá trị bình quân sản phẩm chính trong vùng: triệu đồng/ha.

3. Thuyết minh về công nghệ ứng dụng trong vùng

3.1. Giống

- Diện tích vùng trồng sử dụng giống đảm bảo nguồn gốc xuất xứ (*Đối với vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả*): ha
(*Nêu cụ thể tên giống; Nguồn gốc xuất xứ giống được sản xuất trong vùng; Nêu tất cả các loại giống, chiếm bao nhiêu % diện tích nếu là vùng trồng*).

- Đối với vùng sản xuất lúa giống, nhân giống nắm các loại (*nêu cụ thể công nghệ sản xuất, lai tạo giống, loại giống...*):.....

3.2. Ứng dụng cơ giới trong sản xuất trong vùng

- Số hộ có sử dụng máy móc cơ giới trong các khâu sản xuất (*làm đất, chăm sóc, tưới nước, thu hoạch, vận chuyển sản phẩm...*): hộ;

- Hoặc có sử dụng trang thiết bị hiện đại, quy trình công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm:

(*Có/ không; Nếu có: nêu cụ thể về quy trình công nghệ, quy mô, công suất nhà máy bảo quản, chế biến sản phẩm*).

3.3. Tái sử dụng các phế phẩm nông nghiệp (*vỏ cà phê, rơm rạ, vỏ trấu, thân các loại đậu, ngô...*) trong vùng đạt:.....%

3.4. Số hộ sử dụng chế phẩm sinh học trong sản xuất trong vùng:..... hộ.

3.5. Áp dụng các biện pháp tổng hợp

- Diện tích có ứng dụng Quản lý dịch hại tổng hợp – IPM (*Đối với vùng trồng trọt*): ha;

- Tỷ lệ các hộ dân trong vùng áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trên vật nuôi (*Đối với vùng chăn nuôi*):%.

3.6. Số hộ ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất hoặc trong quản lý (*ứng dụng các phần mềm dự báo thời tiết, thông tin thị trường, theo dõi tình hình sinh trưởng cây trồng, giám sát dịch bệnh, quản lý dinh dưỡng, tưới tự động,...*):.....
..... hộ.

3.7. Về sử dụng nước hợp lý

- Diện tích có hệ thống tưới tiết kiệm hoặc sử dụng nước hợp lý (*Đối với vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái*): ha.

- Tỷ lệ hộ dân trong vùng sử dụng hệ thống nước tự động, hoặc bán tự động (*Đối với vùng chăn nuôi*):%

3.8. Tỷ lệ sản phẩm vùng trồng có tem truy xuất nguồn gốc; hoặc đã được cấp Mã vùng trồng hoặc Chỉ dẫn địa lý hoặc đã có Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm:.....%

3.9. Tỷ lệ sản phẩm vùng trồng được thu hoạch, bảo quản đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm:%

4. Thuyết minh về cơ sở hạ tầng

- Hệ thống đường trục chính vào khu sản xuất, đường nội đồng đã được cứng hóa (*đường nhựa, bê tông, cấp phối...*) trong vùng đạt:.....%

- Hệ thống thủy lợi, nguồn nước trong vùng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, đạt: %

- Diện tích trong vùng đáp ứng nhu cầu sản xuất trong vùng, đạt:.....%

- Hạ tầng khác (*Nhà kho, sân phơi hợp vệ sinh hoặc có cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến hiện đại*):



Quy mô/ công suất:.....

5. Thuyết minh về quy mô vùng

- Quy mô: (Trồng trọt: ha; Chăn nuôi: con/năm).
- Môi trường cảnh quan:

STT	Nội dung	Tỷ lệ đạt (%) ^(*)
1	Tỷ lệ số hộ trong vùng xử lý rác thải trong nông nghiệp (bao bì, chai lọ ... của phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) được thu gom theo đúng quy định	
2	Hoặc tỷ lệ số hộ trong vùng có hệ thống cây che bóng, chắn gió, đai rừng phòng hộ kết hợp cảnh quan	
3	Hoặc tỷ lệ số hộ trong vùng có hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường	

Ghi chú^(): Tùy vào vùng trồng trọt, vùng chăn nuôi để liệt kê kết quả thực hiện tương ứng (nếu có).*

(Có tài liệu kiểm chứng liên quan kèm theo)

III. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

Đơn vị chủ thể đề nghị công nhận vùng sản xuất ... (tên vùng) tự đánh giá đã đáp ứng đủ các tiêu chí hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đề nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xem xét, công nhận vùng sản xuất.....(tên vùng) ứng dụng công nghệ cao theo đúng quy định./.

TỔ CHỨC HOẶC ĐẠI DIỆN
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
 (Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày ... tháng ... năm 202...

**DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA SẢN XUẤT,
KINH DOANH TRONG VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**

(Kèm theo thuyết minh)

1. Tên tổ chức sản xuất, kinh doanh

1.1. Tên tổ chức (1):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Tên người đại diện (*Họ và tên*): Chức vụ:

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (*Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp*):

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp:,
Cơ quan cấp:

1.2. Tên tổ chức (2):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Tên người đại diện (*Họ và tên*): Chức vụ:

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (*Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp*):

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp:,
Cơ quan cấp:

1.3. Tên tổ chức (3):

2. Tên cá nhân tham gia sản xuất trong vùng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Quy mô (Trồng trọt: ha; Chăn nuôi: con)	Ghi chú
1				
2				
3				

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Quy mô <i>(Trồng trọt: ha; Chăn nuôi: con)</i>	Ghi chú
4				
5				
6				
7	...			

Tổ chức đại diện
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

Xác nhận của Chính quyền địa phương
(Nếu tổ chức đại diện là Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác...)



CÁC VĂN BẢN MINH CHỨNG LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NỘI DUNG KÊ KHAI CỦA THUYẾT MINH

(Kèm theo thuyết minh)

STT	Nội dung kê khai	Tài liệu kiểm chứng (*)	Ghi chú
1	Số hộ dân tham gia liên kết với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác	- Danh sách hộ tham gia liên kết; - Hợp đồng liên kết	- Có xác nhận - Bản photo
2	Sản lượng của sản phẩm chính trong vùng trồng được Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiêu thụ; ...	- Báo cáo sản lượng cây trồng chính bình quân của vùng (<i>Của chủ thể đề nghị công nhận</i>)	BC số..., ngày.../.../ ...
3	Diện tích được tổ chức sản xuất có chứng nhận (<i>theo một hoặc các tiêu chuẩn sau: VietGAP, GlobalGAP, 4C, RainForest, UTZ Certified, Fair trade, hữu cơ...</i>)	- Quyết định/ chứng nhận công nhận tiêu chuẩn... - Danh sách liên quan kèm theo (<i>nếu có</i>)	Quyết định số..., ngày.../.../ ...
4	Bản đồ vùng trồng	Bản đồ chi tiết	
5	...		

Ghi chú (): Liệt kê các tài liệu kiểm chứng có liên quan đến các nội dung kê khai tại bản Thuyết minh (nếu có)*